

Bản án số: 01/2022/HS-ST

Ngày: 05-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Phương Thảo;

2. Ông Lò Văn Quỳnh.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quang Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Sùng A C1, sinh ngày 15-4-1990 tại xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn) 5/12; dân tộc Mông; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Sùng A L, sinh năm 1973 và bà Hồ Thị M, sinh năm 1974; có vợ là Vàng Thị C và 03 con; tiền án, tiền sự không; nhân thân ngày 20-6-2012 bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07 tháng 3 năm 2021; “Có mặt”.

2. Sùng Thị C2, sinh năm 1980 tại xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn) không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Sùng Chờ G (đã chết) và bà Vàng Thị M (đã chết); có chồng là Hồ A R và 02 con; tiền án, tiền sự không; nhân thân ngày 24-7-2012 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26-02-2021, tạm giam từ ngày 27-02-2021; “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Quốc L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

- *Người có nghĩa vụ liên quan:* Hồ A T, sinh năm 1997; nơi cư trú thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

- *Người làm chứng:*

+ Anh Hà Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

+ Anh Hồ A C, sinh năm 1984; nơi cư trú thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

+ *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mùa A L - Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ, ngày 26-02-2021, Sùng A C1 mua 01 gói Heroine của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ tại thị trấn S, huyện V với giá 500.000 đồng, sau đó đem về nhà ở thôn S, xã P, huyện T chia ra làm 03 gói; C1 bán chịu cho Sùng Thị C2 01 gói với giá 350.000. Sau đó C1 lấy một ít Heroine ra sử dụng, phần còn lại trong gói giấy C1 để trên nền nhà cạnh chỗ C1 và C2 đang ngồi. Khi C1 sử dụng Heroine xong thì Sùng Thị C2 hỏi C1 cho sử dụng Heroine tại buồng ngủ, C1 đồng ý. Tiếp đó có một người đàn ông lạ mặt đến hỏi C1 mua 100.000 đồng Heroine, C1 nhìn thấy Hồ A T đi đến cửa buồng, C1 ném 01 gói Heroine qua khe cửa và bảo Hồ A T cầm đưa cho người đàn ông lạ mặt. Hồ A T cầm gói Heroine đưa cho người đàn ông lạ mặt rồi người này đưa cho Hồ A T 100.000 đồng. Hồ A T cầm tiền đi vào buồng đưa cho C1, thấy C1 đang hít Heroine nên Hồ A T xin hít cùng, C1 đưa gói giấy bạc còn một ít Heroine cho Hồ A T tự hít.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã P, huyện T bắt quả tang 03 đối tượng Sùng A C1, Sùng Thị C2 và Hồ A T đang có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Khi thấy Công an vào nhà thì Sùng A C1 bỏ chạy; Công an thu giữ 01 gói Heroine của Sùng A C1 bỏ trên nền nhà, thu giữ 01 gói Heroine của Sùng Thị C2; mục đích C2 mua để sử dụng cho bản thân. Mục đích C1 mua Heroine về để sử dụng và bán lại kiếm lời.

Tại bản kết luận giám định số: 152/GĐMT ngày 04-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

- Chất bột nén màu trắng thu giữ trong túi xách của Sùng Thị C2, có khối lượng là 0,25 gam (*không phải hai mươi lăm gam*); 0,08 gam trích từ 0,25 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

- Chất bột nén màu trắng thu giữ tại nền nhà trong buồng ngủ của Sùng A C1, có khối lượng là 0,05 gam (*không phải không năm gam*); 0,05 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

- Heroine nằm trong Danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ.

Bản cáo trạng số: 30/CT-VKS-TT ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy đã truy tố bị cáo Sùng A C1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 256 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Sùng Thị C2 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mua bán, chứa chấp và tàng trữ trái phép chất ma túy mà mình đã thực hiện, vào ngày 26-02-2021. Bị cáo C2 đề nghị nhận lại 01 điện thoại di động màu đen.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy thực hiện quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng A C1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”; bị cáo Sùng Thị C2 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Sùng A C1 từ 07 (*bảy*) năm đến 08 (*tám*) năm tù;

Phạt bị cáo Sùng A C1 từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Sùng A C1 từ 02 (*hai*) năm đến 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Sùng A C1 phải chịu từ 09 (*chín*) năm đến 10 (*mười*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Sùng Thị C2 từ 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng đến 01 (*một*) năm 09 (*chín*) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Sùng Thị C2.

Vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Truy thu số tiền 100.000 đồng do bị cáo Sùng A C1 thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy mà có.

+ Tịch thu tiêu hủy: 0,17 (*không phải mười bảy*) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định; 01 chiếc túi xách có đính các hạt nhựa màu vàng, trắng, đen, đỏ, có séc khoá, có dây đeo, đã cũ; 02 (*hai*) vỏ phong bì thư đã mở niêm phong, các mảnh nilon gói và 01 chai nhựa màu trắng có cắm ống hút bằng cao su, màu đen.

+ Trả cho bị cáo Sùng Thị C2 01 điện thoại di động màu đen, loại có bàn phím nhãn hiệu Masstel, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo C2 không liên quan đến hành vi phạm tội.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sùng A C1 từ 07 (*bảy*) năm đến 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sùng A C1 từ 02 (*hai*) năm đến 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Sùng A C1 phải chịu từ 09 (*chín*) năm đến 10 (*mười*) năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sùng Thị C2 từ 01 (*một*) năm đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên.

- Án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo đề nghị được miễn án phí.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Bị cáo C1 phạm tội với mục đích lợi nhuận, nên cần phạt tiền; về án phí nhất trí đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; gia đình các bị cáo khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tràm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 06 giờ ngày 26-02-2021, Sùng A C1 mua 01 gói Heroine của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ tại thị trấn S, huyện V với giá 500.000 đồng; sau đó đem về nhà ở thôn S, xã P, huyện T chia ra làm 03 gói. C1 lấy một gói sử dụng một phần, phần còn lại C1 bỏ trên nền nhà, Công an thu giữ có khối lượng là 0,05 gam Heroine; một gói C1 bán chịu cho Sùng Thị C2 với giá 350.000 đồng và C1 cho C2 sử dụng Heroine tại buồng ngủ nhà C1, sau khi C2 sử dụng, số Heroine còn lại bị thu giữ là 0,25 gam. Gói Heroine còn lại C1 bán cho một người đàn ông lạ mặt, với giá 100.000 đồng. Mục đích C1 mua Heroine về để sử dụng và bán lại kiếm lời; Sùng Thị C2 tàng trữ 0,25 gam Heroine để thỏa mãn nhu cầu sử dụng bất hợp pháp của bản thân.

Các bị cáo Sùng A C1 và Sùng Thị C2 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Heroine) là vi phạm pháp luật hình sự và biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội. Bị cáo Sùng A C1 do vụ lợi nên đã cố ý thực hiện, nhằm mục đích thu lợi bất chính và thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân; bị cáo Sùng Thị C2 cố ý thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy trái pháp luật của bản thân.

Hành vi mua bán, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo C1 và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo C2 thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng, lan tràn tình trạng nghiện chất ma túy; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Ngày 26-02-2021 Sùng A C1 đã hai lần bán ma túy, nên C1 phải chịu tình tiết tăng nặng định khung là phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi Sùng A C1 đồng ý cho Sùng Thị C2 sử dụng Heroine tại buồng ngủ của C1 đã phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” tại khoản 1 Điều 256 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những căn cứ trên đã có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của bị cáo Sùng A C1 thực hiện đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 256 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Sùng Thị C2 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[5] Nhân thân: Bị cáo Sùng A C1 và bị cáo Sùng Thị C2 là những người đã từng có tiền án, nghiện chất ma túy, nên xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo cùng được hưởng.

[7] Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với bị cáo C1, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Hình phạt bổ sung: Bị cáo Sùng Thị C2 là người không có tài sản, kinh tế gia đình khó khăn và không có thu nhập ổn định. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo C2.

Bị cáo Sùng A C1 phạm tội thu lời bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

- Đối với: 0,17 (*không phải mười bảy*) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định. Đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 02 (*hai*) vỏ phong bì thư đã mở niêm phong; nilon gói; giấy gói; 01 (*một*) chiếc túi xách có đính các hạt nhựa màu vàng, trắng, đen, đỏ, có séc khoá, có dây đeo, đã cũ; 01 (*một*) chai nhựa màu trắng có cắm ống hút bằng cao su màu đen. Các mảnh nilon gói, giấy gói và chiếc túi xách các bị cáo đã sử dụng để tàng trữ ma túy, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; 02 (hai) vỏ phong bì Cơ quan điều tra sử dụng để niêm phong vật chứng và 01 (một) chai nhựa màu trắng có cắm ống hút bằng cao su màu đen, xét không có giá trị, nên tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 (một) chiếc điện thoại màu đen, loại có bàn phím, nhãn hiệu Masstel, đã cũ qua sử dụng thu giữ của bị cáo Sùng Thị C2, không liên quan đến tội phạm, nên trả lại điện thoại cho bị cáo C2, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu 100.000 đồng của bị cáo C1 là tiền do bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy mà theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Án phí và các vấn đề khác:

Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, các bị cáo đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi Hờ A T giúp Sùng A C1 đưa gói ma túy cho người đàn ông lạ mặt và hành vi Sùng A C1 đưa giấy bạc có ma túy cho Hờ A T sử dụng. Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ và Viện kiểm sát không truy tố, nên Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để xử lý. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Trầm Thủy tiếp tục điều tra làm rõ hành vi Hờ A T giúp Sùng A C1 đưa gói ma túy cho người đàn ông lạ mặt và hành vi Sùng A C1 đưa giấy bạc có ma túy cho Hờ A T sử dụng.

Đối với người đàn ông bị cáo C1 khai là người đã bán Heroine cho bị cáo và người đàn ông mua Heroine của bị cáo, Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Sùng A C1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố bị cáo Sùng Thị C2 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng A C1 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù đối với tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Phạt bị cáo Sùng A C1 5.000.000 (*năm triệu*) đồng

Áp dụng khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng A C1 02 (*hai*) năm tù đối với tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Sùng A C1 phải chịu là 09 (*chín*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, là ngày 07-3-2021.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng Thị C2 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, là ngày 26-02-2021.

3. Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Trầm Thủy tiếp tục điều tra làm rõ hành vi Hồ A T giúp Sùng A C1 đưa gói ma túy cho người đàn ông lạ mặt và hành vi Sùng A C1 đưa giấy bạc có ma túy cho Hồ A T sử dụng.

4. Vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

Áp dụng điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 0,17 (*không phải mười bảy*) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định, đã được niêm phong; 01 (*một*) chiếc túi xách có đính các hạt nhựa đã cũ; 02 (*hai*) vỏ phong bì thư đã mở niêm phong; nilon gói; giấy gói và 01 (*một*) chai nhựa màu trắng có cắm ống hút bằng cao su màu đen.

+ Trả lại Sùng Thị C2 01 (*một*) chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Masstel màu đen, đã cũ.

+ Truy thu của bị cáo Sùng A C1: 100.000 (*một trăm nghìn*) đồng.

5. Án phí:

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

6. Quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Chi cục Thuế Nghĩa Văn- Trạm Tấu;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- UBND xã P (TB);
- UBND xã S (TB);
- Lưu hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân